TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-ST
Ngày: 12-9-2025.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tán Nghị.

2. Bà Phan Thị Tuyền.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Cơ sở B - Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên toà số: 56/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đ (P), địa chỉ: Số B N, phường H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị; người đại diện khởi kiện theo uỷ quyền: Bà Hồ Việt H – Chức danh: Phó Giám đốc Khối QL&TCTTS (theo Giấy uỷ quyền số: 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch HĐQT và Giấy uỷ quyền số: 6681/UQ-PVB ngày 01/4/2024 của Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản); người đại diện tham gia tố tụng: Ông Phạm Minh H1 – chức danh: Chuyên viên Khối QL&TCTTS, địa chỉ liên hệ: Số B đường C tháng D, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy uỷ quyền số: 27726/UQ-PVB ngày 18/12/2024 của Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản, có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Đoàn Ngọc C - **S**inh năm: 1988, địa chỉ: Thôn Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng (Thôn Đ, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cũ); số CMND: 201819631, ngày cấp: 16/02/2017, nơi cấp: Công an thành phố Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng (Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cũ) ngày 07 tháng 02 năm 2025, các bản trình bày ngày 10 tháng 6 năm 2025, ngày 24 tháng 7 năm 2025, ngày 29 tháng 8 năm 2025 và tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 07 tháng 11 năm 2020, ông Đoàn Ngọc C có ký với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng; Bản điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là hợp đồng), và được phía Ngân hàng chấp nhận cấp thẻ với hạn mức 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*.

Căn cứ vào yêu cầu cấp tín dụng của ông Đoàn Ngọc C, Ngân hàng đã đồng ý cấp tài khoản số 0000000000320941 với hạn mức tín dụng là 10.000.000đ *(mười triệu đồng)* với mục đích tiêu dùng cá nhân; khách hàng được miễn lãi cho giao dịch mua bán hàng hoá/thanh toán trực tuyến nếu thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, riêng giao dịch rút bằng tiền mặt thì lãi suất được tính kể từ ngày phát sinh giao dịch; số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi, gốc trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các giao dịch; mức lãi suất thẻ áp dụng theo Quyết định số: 19312/QĐ-PVB ngày 09/10/2020 về việc ban hành "Biểu lãi suất cho vay đối với khách hàng của Khối khách hàng cá nhân" là 25%/năm; và người vay còn phải chịu các loại phí theo quy định của P từng thời kỳ, trường hợp không thanh toán đúng hạn theo kỳ thanh toán phải chịu phí phạt chậm trả với mức 5% số tiền chậm thanh toán của tất cả các kỳ sao kê quá hạn với mức tối thiểu là 80.000 đồng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã nhiều lần thực hiện giao dịch với tổng số tiền 29.817.000 đồng, trả được tổng số tiền 23.260.010 đồng (thời điểm thanh toán cuối cùng vào ngày 15/5/2022), số tiền gốc còn nợ lại 6.556.990 đồng không thanh toán.

Tính từ ngày 30 tháng 7 năm 2021 (ngày vi thanh toán) đến ngày 12 tháng 9 năm 2025 (ngày xét xử), ông C chưa thanh toán các khoản gồm: Tiền gốc vay là 6.556.990 đồng, tiền lãi là 13.010.734 đồng, phí chậm trả là 21.361.465 đồng. Vì thế, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông C phải thanh toán tổng số tiền là 40.; đồng thời, kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong nợ ông C còn phải trả lãi, phí chậm trả theo thoả thuận.

Bị đơn ông Đoàn Ngọc C đã được Toà án cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, và quyết định hoãn phiên toà nhưng không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng (Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cũ) thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Đoàn Ngọc C về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đ đã cấp thẻ tín dụng có số tài khoản: 0000000000320941 với hạn mức tín dụng 10.000.000 đồng cho ông Đoàn Ngọc C theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 07 tháng 11 năm 2020, với mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất 25%/năm. Quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng; Bản điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại P. Như vậy, Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, những người tham gia ký kết đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Kể từ thời điểm phát sinh lãi thẻ vào ngày 15/4/2021 cho đến ngày 12/9/2025, thẻ tín dụng của ông C phát sinh với tổng số tiền là 64.189.199đ *(sáu mươi bốn triệu một trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi chín đồng)*, gồm các khoản sau: Số tiền gốc vay là 29.817.000đ *(hai mươi chín triệu tám trăm mười bảy nghìn đồng)*, tiền lãi là 13.010.734đ *(mười ba triệu không trăm mười nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng)*, phí chậm trả là 21.361.465đ *(hai mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng)*. Trong đó, ông C đã thanh toán được tổng số tiền 23.260.010đ *(hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn không trăm mười đồng)*, được ưu tiên trừ vào số tiền gốc vay theo tiểu mục 4 Mục V Phần C của Bản điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại P. Ông Đoàn Ngọc C đã không thực hiện trả nợ đúng với kỳ thanh toán, và ngày 15/5/2022 là thời điểm cuối cùng ông C trả nợ với số tiền 450.003đ. Nên Ngân hàng chấm dứt cấp tín dụng, khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán các khoản gồm tiền gốc vay, tiền lãi và phí phạt chậm trả; con ông C không đến Toà án tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông C thanh toán tổng số tiền nợ còn lại tạm tính đến ngày 12/9/2025 là 40.929.189đ *(bốn mươi triệu chín trăm hai mươi chín nghìn một trăm tám mươi chín đồng)*, trong đó:

Tiền gốc vay là 6.556.990đ (sáu triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi đồng), tiền lãi vay là 13.010.734đ *(mười ba triệu không trăm mười nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng)*, phí chậm trả là 21.361.465đ *(hai mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng)*. Ngoài ra, đại diện Ngân hàng còn yêu cầu tiếp tục tính lãi, phí chậm trả kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy yêu cầu thanh toán nợ của đại diện nguyên đơn đối với bị đơn đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 07 tháng 11 năm 2020; các Mục V, VI và VII Phần C và Phần D của Bản điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại P; mức lãi suất tại tiểu mục 2 Mục III Phụ lục 02 của Biểu lãi suất cho vay đối với khách hàng của Khối khách hàng cá nhân ban hành kèm theo Quyết định số: 19312/QĐ-PVB ngày 09/10/2020; mức phí chậm trả tại tiểu mục 16 Mục II Phụ lục 04 của Biểu phí dịch vụ thẻ và dịch vụ thanh toán thẻ ban hành kèm theo Quy định số: 19619/2020/QĐ-KHCN ngày 15/10/2020; do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Ông Đoàn Ngọc C phải chịu 2.046.500đ (40.929.189đ x 5%, đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Đoàn Ngọc C về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Buộc ông Đoàn Ngọc C phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 40.929.189đ *(bốn mươi triệu chín trăm hai mươi chín nghìn một trăm tám mươi chín đồng)*, trong đó: Tiền gốc vay là 6.556.990đ (sáu triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi đồng), tiền lãi vay là 13.010.734đ *(mười ba triệu không trăm mười nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng)*, phí chậm trả là 21.361.465đ *(hai mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng)*.

Kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nêu trên thì hàng tháng (theo kỳ thanh toán) ông Đoàn Ngọc C còn phải chịu tiền lãi, phí chậm trả theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 07 tháng 11 năm 2020; Bản điều khoản và điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại P mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí: Ông Đoàn Ngọc C phải chịu 2.046.500đ *(hai triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 644.000đ *(sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0008568 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

3. Về quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/9/2025). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV4 - Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn